

Số: 15/2020/QĐST-DS

Quận Ngô Quyền, ngày 24 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

- + Bà Nguyễn Thị C; nơi cư trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng;
- + Bà Nguyễn Thị H; nơi cư trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng;
- + Bà Nguyễn Thị H1; nơi cư trú: Tổ 12 cụm 2, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;

- *Bị đơn:*

- + Ông Nguyễn Danh S; nơi cư trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Danh S: Bà Trần Thị M, nơi cư trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền ngày 22/6/2020).

- + Ông Nguyễn Danh X (đã chết); nơi cư trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

- + Ông Nguyễn Danh T; nơi cư trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Ông Nguyễn Danh G; nơi ĐKKHKT: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Danh G: Chị Nguyễn Thị Thu T, nơi cư trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền ngày 28/7/2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Trịnh Thị K; nơi cư trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng;

+ Anh Nguyễn Danh T; nơi cư trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Danh T: Bà Trịnh Thị K, nơi cư trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền ngày 18/6/2020).

+ Anh Nguyễn Danh Q; nơi cư trú: Đường L, phường Liên, quận N, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Danh Q: Bà Trịnh Thị K, nơi cư trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền ngày 18/6/2020).

+ Chị Nguyễn Thị Thu T; nơi cư trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

+ Bà Trần Thị Quế, nơi ĐKKHKT: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Q: Chị Nguyễn Thị Thu T, nơi cư trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền ngày 13/7/2020).

+ Bà Trần Thị M, nơi cư trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng;

+ Bà Lê Thị K, nơi cư trú: Phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về di sản thừa kế: Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Danh S và Dương Thị B đối với 480m² đất tại thửa đất số 615, tờ bản đồ 01, địa chỉ: Tổ 12 cụm 2, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận sử dụng ruộng đất số 209GCN/QĐ do Ủy ban nhân dân huyện An Hải ngày 16/6/1986 và theo sơ đồ hiện trạng thửa đất được thẩm định tại chỗ ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

2.2. Về hàng thừa kế: Ông Nguyễn Danh S; anh Nguyễn Danh T, anh Nguyễn Danh Q, chị Nguyễn Thị Thu Th (con của ông Nguyễn Danh X chết năm

2011); ông Nguyễn Danh G; ông Nguyễn Danh T; bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị H1; bà Nguyễn Thị C.

2.3. Về giá trị tài sản thừa kế:

Các đương sự thống nhất thỏa thuận theo giá Nhà nước - theo giá của Hội đồng định giá quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng: Giá trị diện tích đất là: $251,4m^2 \times 18.540.000 \text{ đ}/m^2 = 4.660.956.000$ đồng (thuộc VT1 ngõ 189 đường Đông Khê); $228,6m^2 \times 9.840.000 \text{ đ}/m^2 = 2.249.424.000$ đồng (thuộc VT3 ngõ 189 đường Đông Khê); giá trị thừa đất là: 6.910.380.000 đồng.

2.4. Thỏa thuận phân chia di sản thừa kế:

- Về đất:

Ông Nguyễn Danh S được hưởng $105m^2$ đất.

Ông Nguyễn Danh G được hưởng $105m^2$ đất.

Ông Nguyễn Danh T được hưởng $103 m^2$ đất.

Ông Nguyễn Danh X được hưởng $102 m^2$ đất. Ông X đã chết nên vợ con của ông X là bà Trịnh Thị K, anh Nguyễn Danh T, anh Nguyễn Danh Q, chị Nguyễn Thị Thu T thống nhất cùng hưởng hưởng $102 m^2$ đất.

Bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H được hưởng $65m^2$ đất (mốc giới từ vị trí 19 đến 20 giáp phía trước ngõ 189, bên trái giáp nhà ông X, bên phải giáp nhà ông G, phía sau giáp nhà bác Sản - theo sơ đồ hiện trạng thừa đất).

Do diện tích $480m^2$ đất hiện đang nằm trong chỉ giới thu hồi của Dự án đô thị mới Ngã 5 sân bay Cát Bi nên khi Nhà nước thực hiện việc thu hồi thì các đương sự mỗi người sẽ được nhận bồi thường tương ứng với giá trị phần di sản được hưởng.

Đối với mốc giới, vị trí thừa đất được hưởng của ông Nguyễn Danh S, Ông Nguyễn Danh G, ông Nguyễn Danh T, ông Nguyễn Danh X tự thỏa thuận khi Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án đô thị mới Ngã 5 sân bay Cát Bi.

- Về vật kiến trúc trên đất:

Giao gian nhà số 01, diện tích xây dựng $77m^2$ cho bà Trịnh Thị K và bà con là anh Nguyễn Danh T, anh Nguyễn Danh Q, chị Nguyễn Thị Thu T quản lý sử dụng.

Giao gian nhà số 2 diện tích xây dựng $23,7m^2$ và gian nhà số 2b diện tích xây dựng $29,6m^2$ cho ông Nguyễn Danh S và bà Trần Thị M quản lý sử dụng.

Giao gian nhà số 3 diện tích xây dựng 65,5m² cho ông Nguyễn Danh G và bà Trần Thị Q quản lý sử dụng.

Giao gian nhà số 4 diện tích xây dựng 30,2m² và 30,8m² cho ông Nguyễn Danh T và bà Lê Thị K quản lý sử dụng.

Giao gian nhà số 5 diện tích xây dựng 55,0m² cho ông Nguyễn Danh S, ông Nguyễn Danh T, ông Nguyễn Danh G, anh Nguyễn Danh T quản lý sử dụng.

Giá trị vật kiến trúc được nhận khi Nhà nước bồi thường tương ứng với phần kiến trúc được giao.

3. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các ông bà: Nguyễn Danh S, Nguyễn Danh T, Trịnh Thị K, Nguyễn Thị C đều là người cao tuổi.

Ông Nguyễn Danh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 27.579.300 đồng.

Anh Nguyễn Danh T, anh Nguyễn Danh Q, chị Nguyễn Thị Thu T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 6.784.125 đồng.

Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 8.025.500 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H đã nộp là 2.708.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0006279, 0006280 ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị H mỗi người còn phải nộp 5.317.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Nguyễn Thị C 2.708.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0006278 ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Phương